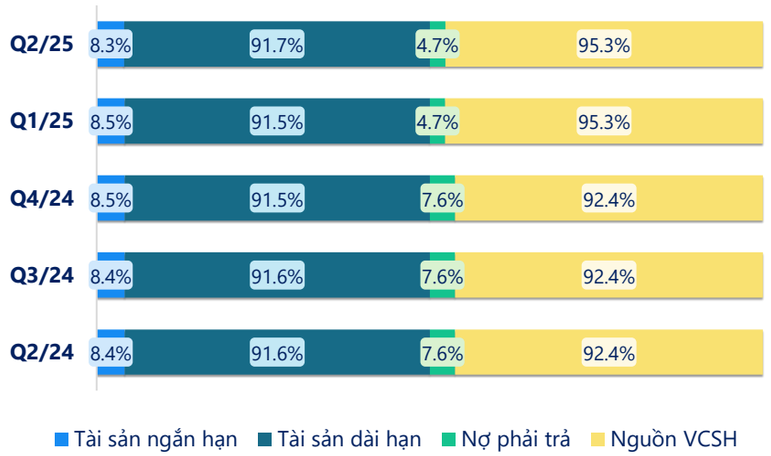
CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam (UPCOM: VHG)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,300
SL cổ phiếu LH	150,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	457,550
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	240
P/E	116.0
EPS	14

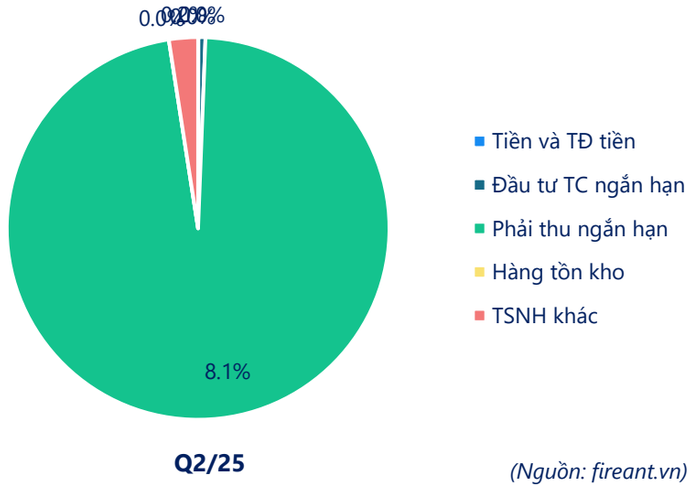
	YTD	1T	3T	6T
VHG	-11.1%	-11.1%	-11.1%	-11.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



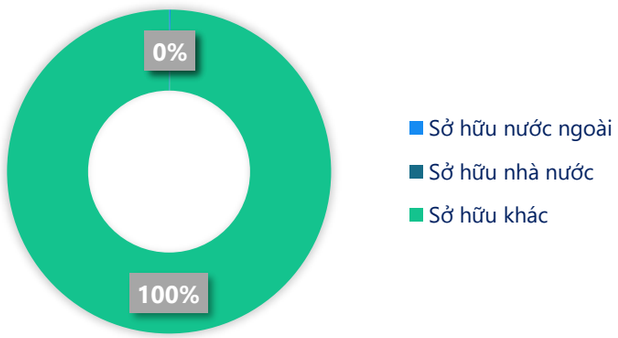
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



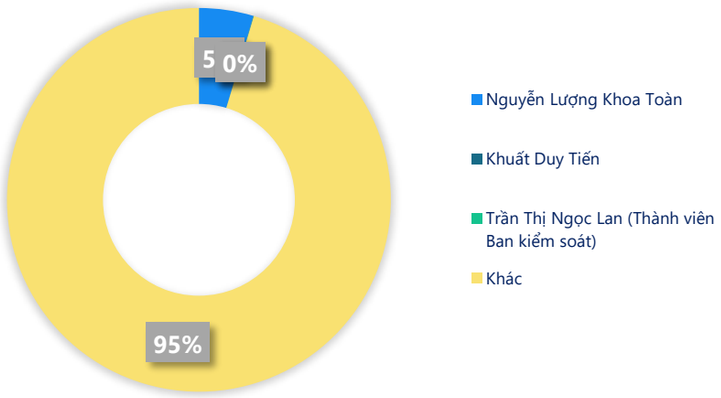
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



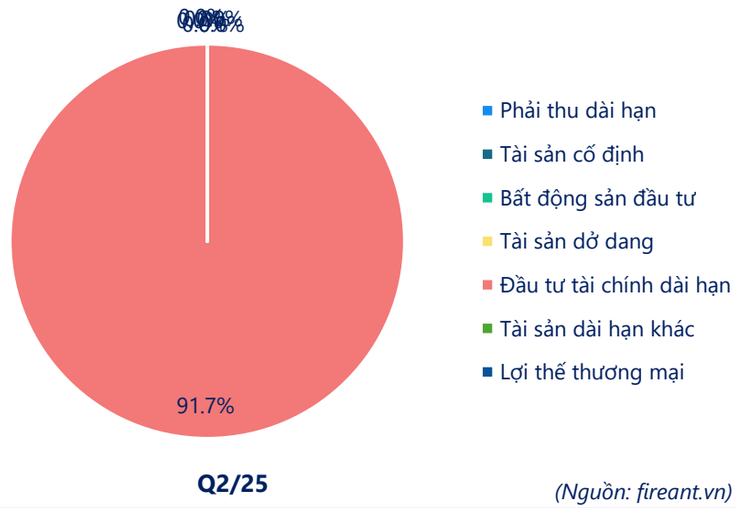
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

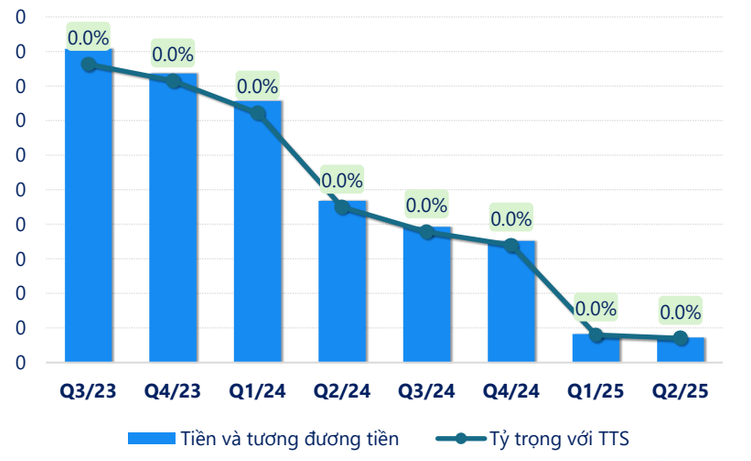


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

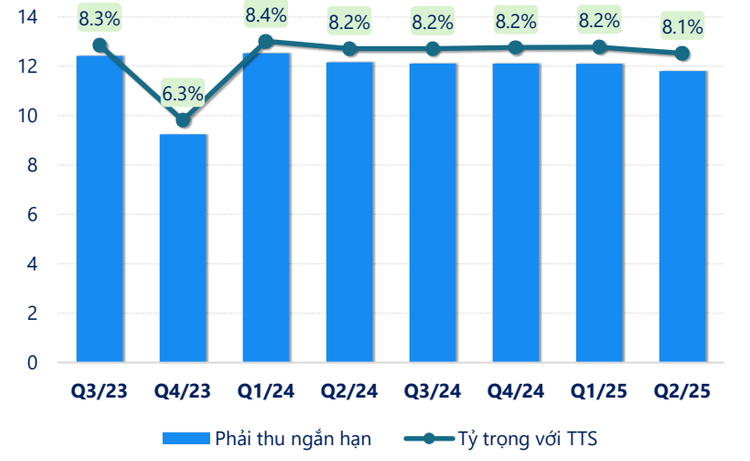
CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam (UPCOM: VHG)

Tiền và tương đương tiền



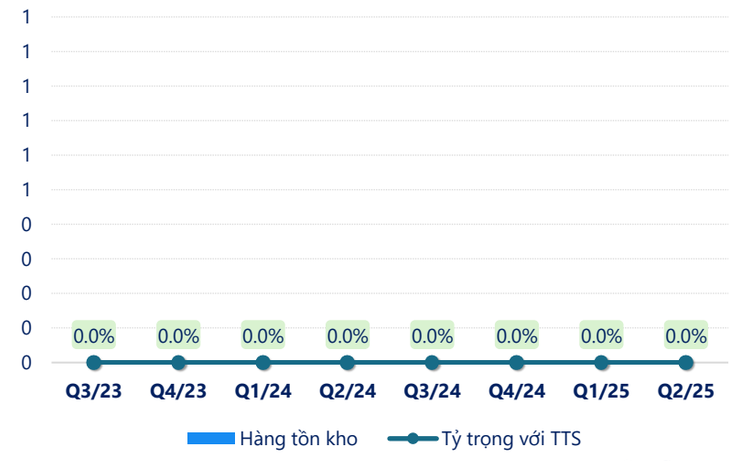
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



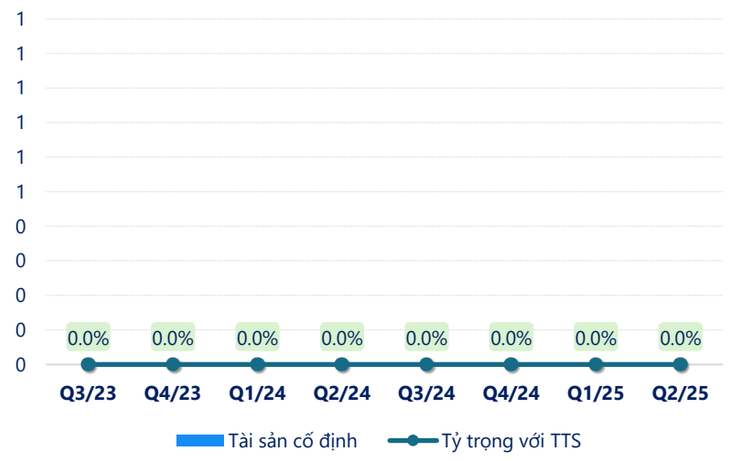
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



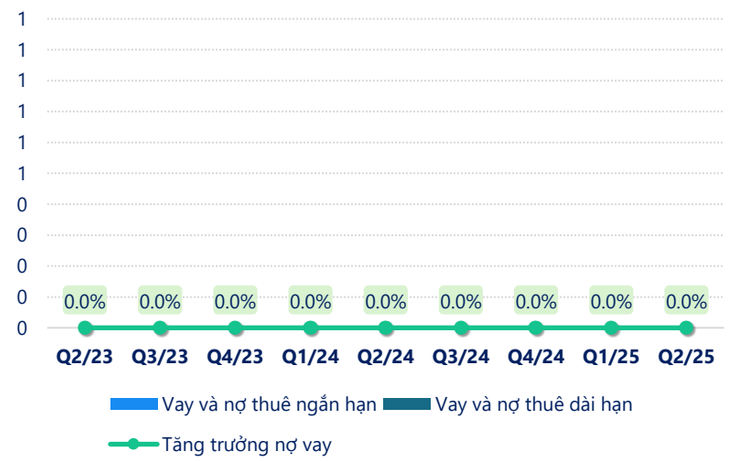
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



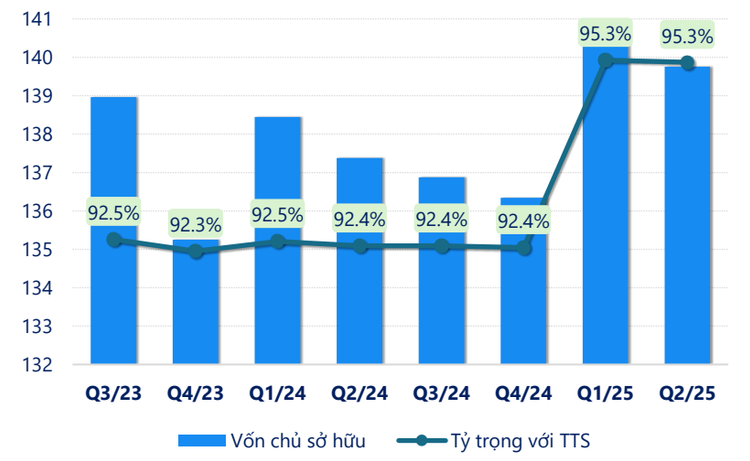
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

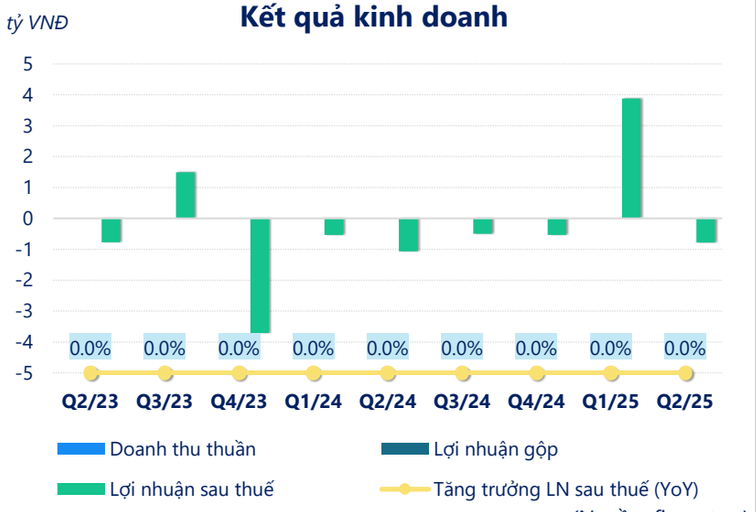
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

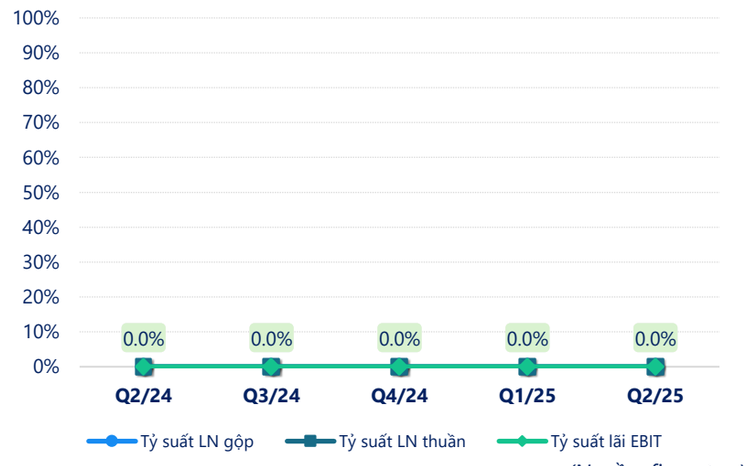
CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam (UPCOM: VHG)

Kết quả kinh doanh



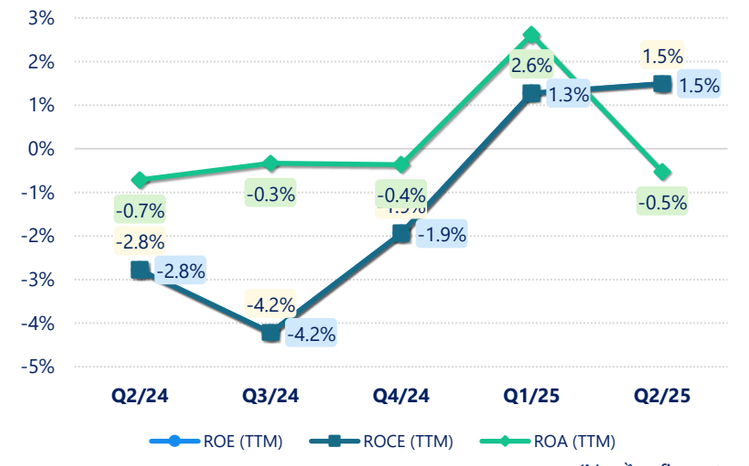
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



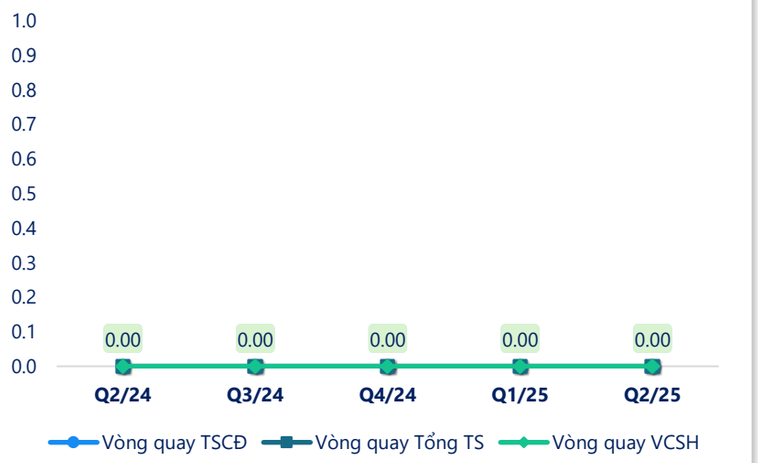
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



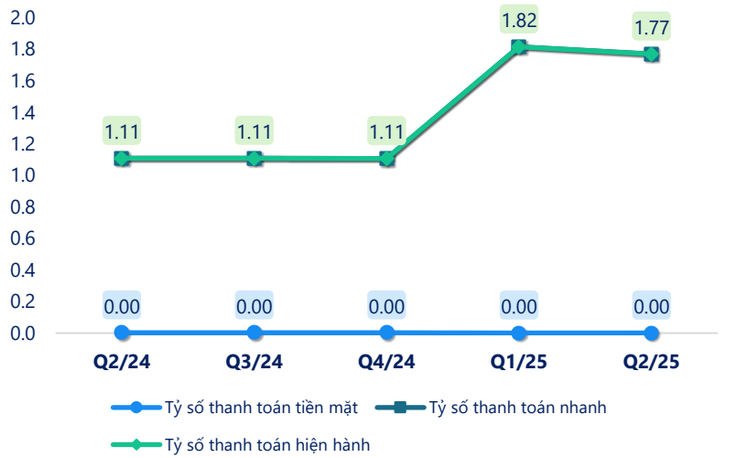
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



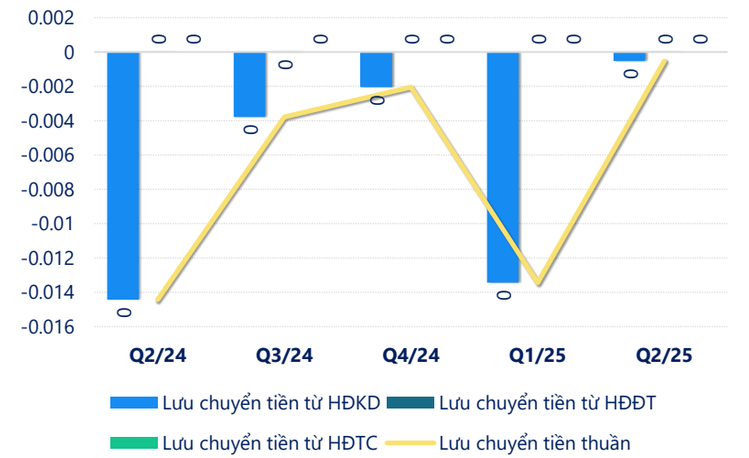
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Việt Trung Nam (UPCOM: VHG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**147**	**148**	**-0.9%**
Tài sản ngắn hạn	12.2	12.5	-2.4%
Tiền và tương đương tiền	0.00	0.02	-79.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.07	0.07	-2.5%
Phải thu ngắn hạn	11.8	12.1	-2.5%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.30	0.28	6.2%
Tài sản dài hạn	**134**	**135**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	134	135	-0.7%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.88	11.3	-39.0%
Nợ ngắn hạn	**6.88**	**11.3**	**-39.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.83	0.81	1.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**140**	**137**	**2.3%**
Vốn chủ sở hữu	**140**	**137**	**2.3%**
Vốn điều lệ	1,500	1,500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	0	0	0	0	0
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0	0	0	0	0
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.68	0.50	0.53	0.51	0.48
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.39	0.00	0.00	0.02	0.30
LN thuần từ HĐKD	-1.07	-0.50	-0.53	-0.53	-0.78
Lợi nhuận khác	0	0	0	4.41	0
LN trước thuế	-1.07	-0.50	-0.53	3.88	-0.78
Lợi nhuận sau thuế	-1.07	-0.50	-0.53	3.88	-0.78
LNST của CĐ cty mẹ	-1.07	-0.50	-0.53	3.88	-0.78

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.01	0.00	0.00	-0.01	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0	0	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.04	0.02	0.02	0.02	0.00
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.01**	**0.00**	**0.00**	**-0.01**	**0.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.02	0.02	0.02	0.00	0.00

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic